

## HOSE

22/05/2014

VNINDEX 541.73 -2.15 -0.40%

 KLGD 130,117,230 CP  
 GTGD 1,908.04 Tỷ  
 GTR NDTNN - 83.23 Tỷ

 CP Tăng giá 82 CP  
 CP Giảm giá 145 CP  
 CP Đứng giá 77 CP


## HNX

22/5/2014

HNXINDEX 74.57 -0.99 -1.31%

 KLGD 86,070,417 CP  
 GTGD 719.43 Tỷ  
 GTR NDTNN 38.39 Tỷ

 CP Tăng giá 75 CP  
 CP Giảm giá 154 CP  
 CP Đứng giá 150 CP


## VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 592.75 -4.07 -0.68%  
 HNX30 147.64 -3.63 -2.40%

## Tâm điểm

- ▶ **Áp lực chốt lời khiến 2 sàn đảo chiều sau 4 phiên tăng điểm liên tục**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ**  
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,600 tỷ đồng
- ▶ **HSBC - Thu nhập quốc dân Việt Nam tăng 10% khi vào TPP**  
Theo báo cáo "Sản xuất tại Việt Nam: Phá vỡ những rào cản để giao thương"  
Vnexpress
- ▶ **Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Hoa Kỳ đạt 18 tỷ USD**  
Trong số các quốc gia thuộc châu Mỹ, Mỹ vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của VN  
Vneconomy
- ▶ **TP. HCM: CPI tháng 5 tăng 0.36% so với tháng trước**  
So với tháng 5/2013, chỉ số giá hàng hóa tiêu dùng tăng 5.04%  
Trí Thức Trẻ
- ▶ **BHS: Kế hoạch lãi gần 64 tỷ đồng năm 2014**  
Được biết, năm 2013, lợi nhuận sau thuế của BHS đạt 38.9 tỷ đồng  
Công Lý
- ▶ **OGC: Doanh thu tăng gấp đôi, lợi nhuận quý 1 chưa đến 1 tỷ đồng**  
Lãi sau thuế trong quý 1 của OGC chỉ đạt 847 triệu đồng  
Trí Thức Trẻ

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	958,072	13.2	2.9	20.7%	10.9%
HNX	121,954	18.4	1.6	6.7%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,080,026</b>	<b>15.1</b>	<b>2.8</b>	<b>19.6%</b>	<b>10.2%</b>

## Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,298	6.3	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,377	6.9	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	34,716	20.4	1.9	17.9%	7.6%
Khai khoáng	11,952	54.5	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,910	17.4	1.3	12.1%	8.7%
Xây dựng	27,648	- 28.4	1.0	-6.7%	1.3%
Máy công nghiệp	7,793	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,516	13.1	1.3	15.0%	11.4%
Lốp xe	6,663	8.1	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,134	11.3	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	193,493	22.4	4.7	22.0%	17.0%
Dược phẩm	15,003	11.9	3.1	25.5%	16.8%
Phần mềm	16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,438	- 5.4	1.1	-5.1%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,029	15.1	4.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	22,383	12.5	1.2	8.1%	6.1%
Ngân hàng	237,112	10.7	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	136,554	11.2	2.5	28.5%	7.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,689	9.3	1.9	20.5%	8.4%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

## VietinBankSc

 306 Ba Triệu  
 Hai Ba Trưng  
 Hanoi  
 Vietnam  
 Tel: (844) 3974 7952  
 Fax: (844) 3974 1760  
 www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**HSBC - Thu nhập quốc dân Việt Nam tăng 10% khi vào TPP**

Theo báo cáo kinh tế vĩ mô có tiêu đề “Sản xuất tại Việt Nam: Phá vỡ những rào cản để giao thương” mới được ngân hàng HSBC công bố, cơ quan này đánh giá nếu Việt Nam hoàn tất đàm phán tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), kim ngạch xuất khẩu dệt may, quần áo và giày dép sẽ gia tăng đáng kể (tăng lần lượt 13% và 52% đến năm 2025). HSBC dự báo thu nhập quốc dân của Việt Nam (GNI) sẽ tăng thêm 2% vào năm 2015 và tăng khoảng 10% đến năm 2020.

**Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Hoa Kỳ đạt 18 tỷ USD**

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước thuộc châu Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2012 đạt hơn 18 tỷ USD, tăng xấp xỉ 19% so với cùng kỳ năm 2011. Theo đó, Việt Nam vẫn là nước xuất siêu sang thị trường này với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 13,4 tỷ USD và nhập khẩu đạt trên 4.6 tỷ USD, tăng lần lượt 20% và 16% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong số các quốc gia thuộc châu Mỹ có quan hệ thương mại với Việt Nam, Mỹ vẫn là đối tác thương mại lớn nhất với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2012 đạt 13.9 tỷ USD tăng 20%. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đạt 11.2 tỷ USD, với mặt hàng chủ lực là dệt may (4.22 tỷ USD).

**TP. HCM: CPI tháng 5 tăng 0.36% so với tháng trước**

Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh vừa công bố tình hình kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. Sau 2 tháng liên tiếp giảm, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 tăng 0.36% so với tháng trước với tác động chính là sự tăng giá hàng thực phẩm (+1.41%) và sự tăng trở lại của giá lương thực (+0.03%). So với thành phố Hà Nội vừa công bố chiều nay thì nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống của TP. HCM có nhiều khác biệt. Cục thống kê TP. HCM cho biết ăn uống ngoài gia đình so tháng trước không biến động nhưng giá lương thực tăng do cầu xuất khẩu gạo đã bắt đầu tăng.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**BHS: Kế hoạch lãi gần 64 tỷ đồng năm 2014**

Năm 2014, CTCP Đường Biên Hòa (HOSE: BHS) đề ra kế hoạch sản xuất 176 ngàn tấn đường, doanh thu là 2,643 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến là 63.6 tỷ đồng, tăng trưởng 63.6% so với năm 2013. Đồng thời trong năm sẽ tiến hành đầu tư các dự án cải tạo cơ sở hạ tầng, mở rộng Nông trường Thành Long với tổng giá trị khoảng 139 tỷ đồng. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, Công ty đã sản xuất được 178 ngàn tấn đường thành phẩm các loại, tiêu thụ 176 ngàn tấn; rượu sản xuất được 159.5 lít. Doanh thu năm 2013 đạt 2,936 tỷ đồng, vượt được 3% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 38.9 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch đề ra.

**OGC: Doanh thu tăng gấp đôi, lợi nhuận quý 1 chưa đến 1 tỷ đồng**

Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương (HOSE: OGC) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2014. Doanh thu thuần của OGC quý 1 đạt 642 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ 2013. Doanh thu bán hàng, đạt 349 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ chỉ đạt 122,5 tỷ đồng. Ngoài ra, quý 1 năm nay OGC ghi nhận 107,5 tỷ đồng doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Cùng kỳ năm ngoái, khoản mục này hoàn toàn bằng 0. Doanh thu tăng trưởng ấn tượng, lãi gộp của OGC ở mức 139 tỷ đồng, gấp rưỡi cùng kỳ. Việc tăng các chi phí trong kỳ, đặc biệt là chi phí bán hàng khiến lợi nhuận của OGC sụt giảm. Tập đoàn Đại Dương lãi sau thuế chưa đến 1 tỷ đồng (đạt 847 triệu đồng), lãi sau thuế dành cho cổ đông công ty mẹ vốn vẹn 538 triệu đồng, bằng 1/4 con số cùng kỳ.

**ELC: Lợi nhuận sau thuế quý 1/2014 tăng gần 50%**

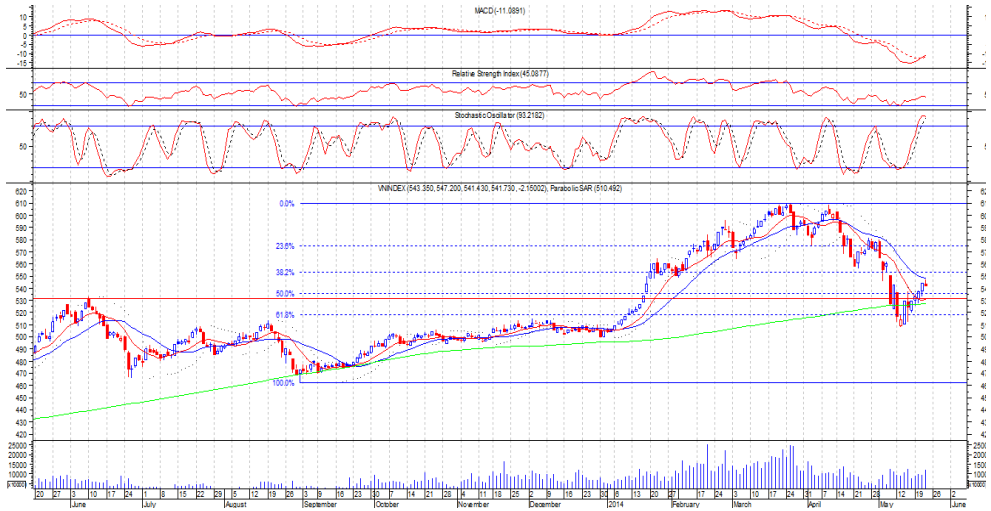
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (HOSE: ELC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2014. Theo đó, trong quý, doanh thu thuần của ELC bị giảm 48% xuống 49.31 tỷ đồng. Tuy nhiên, do kiểm soát chi phí tốt, lợi nhuận gộp đạt của ELC lại tăng 93.5% lên 19.04 tỷ đồng. Mặc dù các chi phí đều tăng, lợi nhuận thuần vẫn tăng 18.7% lên 6.26 tỷ đồng. Cùng với việc khoản lỗ từ công ty liên doanh, liên kết giảm hơn 50% xuống 602.34 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế của ELC đạt 5.08 tỷ đồng, tăng 48.98% so với cùng kỳ.

**HOSE** 22/05/2014 VNINDEX 541.73 -2.15 -0.40% 130,117,230 CP 1,908.04 bil VND

### Áp lực chốt lời đẩy 2 sàn đảo chiều sau 4 phiên tăng liên tục

VN-Index giảm 2.15 điểm (-0.40%), đóng cửa tại mức 541.73 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, thị trường giảm điểm sau 4 phiên tăng điểm liên tiếp.

- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng.
- Stochastic Oscillator dừng đà tăng nhưng vẫn ở trong vùng quá mua.
- RSI gia tăng lên mức 45.
- VN-Index đang hồi phục khá tốt trở lại sau đợt giảm điểm mạnh, tuy nhiên nhịp hồi phục này sẽ gặp kháng cự mạnh tại vùng MA20 tương đương với 550 điểm.



### HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	17,300,070
ITA	-0.4 (-4.8%)	7,636,490
HQC	0.1 (1.4%)	6,064,400
VHG	0.2 (2.7%)	4,871,410
SSI	-0.3 (-1.3%)	3,709,300

### HOSE Top 5 theo % tăng

VNG	0.7 (7.0%)	10
PTK	0.3 (7.0%)	3,597,280
DRH	0.2 (6.9%)	55,570
NVN	0.2 (6.9%)	1,900
PTL	0.2 (6.9%)	310,910

### HOSE Top 5 theo % giảm

PGD	-6.4 (-16.1%)	36,410
SFI	-2.3 (-6.9%)	13,080
TV1	-1 (-6.9%)	2,010
UDC	-0.4 (-6.9%)	811,980
VSI	-0.4 (-6.9%)	10

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	20,2 tỷ	219,490
HPG	12,5 tỷ	257,740
VCB	8,2 tỷ	303,330
HQC	4,6 tỷ	680,890
BVH	4,5 tỷ	118,990

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

SSC	-108,0 tỷ	1,742,157
CNG	-45,6 tỷ	1,155,323
ITA	-7,8 tỷ	974,440
DPM	-7,1 tỷ	218,990
HAG	-6,1 tỷ	248,400

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-415,270	83.23

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT sau khi giao dịch khá tích cực ở phiên sáng, đã tăng tập trung nhiều ở những mã đã giảm mạnh nhưng bất ngờ đảo chiều và giảm trở lại ở phiên chiều.
- ▶ KLGD gia tăng dần và đạt 122 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch có dấu hiệu cải thiện nhẹ như hiện nay là một tín hiệu khá tích cực.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 83 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp bán ròng có thể sẽ xuất hiện thương xuyên hơn sau giai đoạn mua ròng liên tiếp vừa rồi.
- ▶ VN-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến ở Biển Đông.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

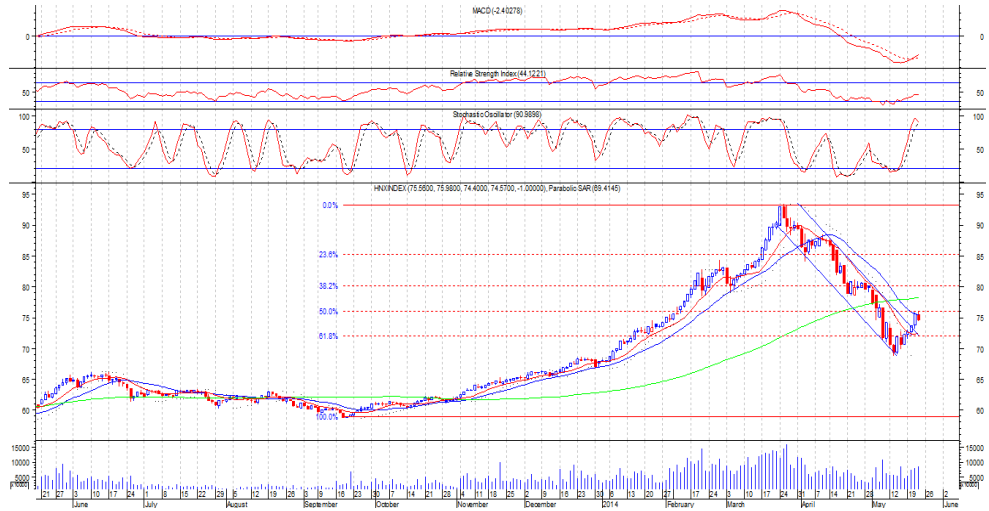
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	92.0	174,340.00	15.4	4.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	126.0	105,013.10	16.3	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	89.5	65,774.56	200.6	4.5	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	27.0	62,570.26	14.3	1.4	10.4%	1.0%
VIC	894.2	66.0	59,019.87	8.1	3.9	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.8	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.6	41,043.56	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	38.0	25,857.91	20.8	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	49.0	23,613.50	9.9	2.3	25.0%	10.7%
PVD	275.3	80.5	22,158.28	10.4	2.2	21.7%	9.8%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.8	2,977.28	12.6	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	45.8	15,750.36	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	19.1	2,155.65	14.6	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.0	3,047.06	8.1	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	4.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.5	538.39	2.0	0.9	NA	TH.DOI

**HNX**      22/05/2014      HNX-Index      74.57      -0.99      -1.31%      86,070,417 CP      719.43 bil. VND

**Áp lực chốt lời đẩy 2 sàn đảo chiều sau 4 phiên tăng liên tục**  
 Chỉ số HNX-Index giảm 0.99 điểm (-1.31%), đóng cửa tại mốc 74.57 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, giảm điểm nhẹ sau 4 phiên tăng điểm liên tiếp.  
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang ở vùng quá mua nhưng đã cho tín hiệu bán phiên hôm nay.  
 - MACD sau khi cho tín hiệu mua vẫn tiếp tục gia tăng. Đây là một tín hiệu khá tích cực.  
 - RSI (14) tăng lên mức 44.  
 - HNX-Index vẫn đang gặp ngưỡng kháng cự khá mạnh tại MA20.



**HNX Top 5** theo KLGD

SHB	-0.3 (-3.3%)	9,518,460
PVX	-0.3 (-6.0%)	8,783,300
SCR	-0.4 (-4.7%)	8,248,980
KLS	-0.2 (-1.9%)	7,587,730
SHN	0.2 (5.0%)	5,029,100

**HNX Top 5** theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
NVC	0.1 (12.5%)	263,900
GGG	0.1 (11.1%)	417,520
BED	1.2 (10.0%)	-
DNC	1.1 (10.0%)	16,500

**HNX Top 5** theo % giảm

CTM	-0.4 (-10.0%)	7,400
IDJ	-0.5 (-10.0%)	26,000
LO5	-0.4 (-10.0%)	50,600
PPG	-0.3 (-10.0%)	100
VC3	-1.4 (-10.0%)	500

**HNX Top 5** Mua ròng NDTNN

VND	11,9 tỷ	796,000
KLS	9,7 tỷ	1,000,000
VCG	6,0 tỷ	559,900
FIT	2,8 tỷ	228,300
BVS	2,6 tỷ	240,000

**HNX Top 5** Bán ròng NDTNN

SHB	-4,3 tỷ	475,400
ARM	-0,4 tỷ	20,000
SDT	-0,1 tỷ	6,000
EBS	-0,1 tỷ	11,000
QCC	-0,1 tỷ	23,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,932,100	38.39

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ TT sau khi giao dịch khá tích cực ở phiên sáng, đã tăng tập trung nhiều ở những mã đã giảm mạnh nhưng bất ngờ đảo chiều và giảm trở lại ở phiên chiều.
- ▶ KLGD gia tăng dần và đạt 84 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch có dấu hiệu cải thiện nhẹ như hiện nay là một tín hiệu khá tích cực.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 38 tỷ đồng trong phiên hôm nay ở sàn này. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT.
- ▶ HNX-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến ở Biển Đông.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

**HNX - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.6	14,192.58	18.7	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.1	11,658.88	7.8	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.9	7,886.14	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	11.5	5,079.67	11.7	0.9	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.8	4,012.37	14.5	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	39.8	3,097.71	6.7	2.1	33.5%	17.5%
NTP	43.3	70.1	3,037.99	10.7	2.4	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.8	2,803.01	7.9	1.1	14.5%	7.0%

**HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.8	1,018.40	6.7	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.9	354.42	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.9	1,444.35	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	70.1	3,037.99	10.7	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.3	765.00	9.5	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.7	296.89	6.1	1.4	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	15.35%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
VIC	HOSE	894.2	59,019.87	14.46%	66.0	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
HPG	HOSE	481.9	23,613.50	11.74%	49.0	9.87	2.27	860,374	660,420	832,457
PVD	HOSE	275.3	22,158.28	8.68%	80.5	10.40	2.15	462,204	406,423	501,913
DPM	HOSE	379.9	12,081.91	8.01%	31.8	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	7.98%	24.3	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
VCB	HOSE	2,317.4	62,570.26	6.11%	27.0	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.13%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	3.08%	38.0	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	2.71%	7.9	104.99	0.76	7,084,086	6,032,789	9,755,339
HSG	HOSE	96.3	4,237.78	2.68%	44.0	11.24	1.99	282,948	216,002	273,573
GMD	HOSE	114.4	3,215.25	2.26%	28.1	106.43	0.72	432,545	354,146	391,972
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	2.03%	20.8	7.35	1.19	760,494	598,074	919,814
VSH	HOSE	206.2	3,155.49	1.74%	15.3	14.87	1.20	751,080	488,701	818,679
CSM	HOSE	67.3	2,557.10	1.64%	38.0	6.97	1.99	484,513	373,622	626,040
KBC	HOSE	289.8	2,926.58	1.48%	10.1	22.04	0.73	1,012,255	751,719	1,300,464
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.33%	43.1	9.39	2.45	269,723	219,609	361,112
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	1.18%	12.8	12.61	1.06	816,023	670,454	1,789,979
DIG	HOSE	143.0	2,073.44	1.01%	14.5	39.40	0.90	478,793	332,979	682,889
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	0.91%	10.4	59.59	1.03	2,751,629	2,343,887	3,413,381
PET	HOSE	69.8	1,110.49	0.87%	15.9	7.55	0.90	527,384	449,290	753,878

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,658.88	5.37%	26.1	7.82	1.39	2,335,130	2,292,004	2,839,271
VIC	HOSE	894.2	59,019.87	8.00%	66.0	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
VCB	HOSE	2,317.4	62,570.26	7.00%	27.0	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	6.50%	38.0	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
DPM	HOSE	379.9	12,081.91	5.79%	31.8	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.26%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
PVD	HOSE	275.3	22,158.28	3.22%	80.5	10.40	2.15	462,204	406,423	501,913
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	3.73%	7.9	104.99	0.76	7,084,086	6,032,789	9,755,339
SHB	HNX	886.1	7,886.14	2.86%	8.9	10.09	0.77	8,728,957	7,540,628	9,963,365
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	1.58%	20.8	7.35	1.19	760,494	598,074	919,814
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	2.33%	10.4	59.59	1.03	2,751,629	2,343,887	3,413,381
GMD	HOSE	114.4	3,215.25	1.62%	28.1	106.43	0.72	432,545	354,146	391,972
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	8.00%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	2.83%	24.3	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.28%	43.1	9.39	2.45	269,723	219,609	361,112
VCG	HNX	441.7	5,079.67	3.58%	11.5	11.69	0.94	2,506,748	1,946,003	3,333,159
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	2.05%	12.8	12.61	1.06	816,023	670,454	1,789,979

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,019.87	0.00%	66.0	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	0.00%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
DPM	HOSE	379.9	12,081.91	0.00%	31.8	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	0.00%	24.3	14.79	1.36	4,701,528	3,483,609	4,385,224
VCB	HOSE	2,317.4	62,570.26	0.00%	27.0	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.00%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	0.00%	38.0	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.82	1.01	665,867	545,916	1,017,350
GAS	HOSE	1,895.0	174,340.00	0.00%	92.0	15.41	4.89	659,703	531,580	421,704

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Royal Bank of Scotland**  
**MSCI Frontier Markets Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**19/09/2011**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**9/142**  
**22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	65,774.56	0.81%	89.5	200.59	4.50	179,175	152,500	365,286
VIC	HOSE	894.2	59,019.87	0.55%	66.0	8.06	3.85	474,321	542,373	523,407
DPM	HOSE	379.9	12,081.91	0.26%	31.8	6.40	1.39	1,577,877	1,276,302	1,388,987
VCB	HOSE	2,317.4	62,570.26	0.20%	27.0	14.31	1.43	902,647	744,348	912,665
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.14%	18.3	9.60	1.27	1,029,116	727,813	1,043,002
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	0.10%	38.0	20.82	2.05	655,840	537,476	521,960

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI Frontier 100 Index**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**12/09/2012**  
**30/11/2007**

SLCKVN  
TGTTSQL

**6/102**  
**519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**iShares**  
**MSCI VN Investable Market Indx**

Ngày lập quỹ  
Ngày lập chỉ số

**01/12/2010**

SLCKVN  
TGTTSQL

**4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,298	6.3	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,377	6.9	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,629	21.7	0.7	2.9%	1.9%
Sản xuất giấy	737	7.6	0.7	11.2%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,716	20.4	1.9	17.9%	7.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,606	4.1	0.7	18.0%	3.7%
Khai khoáng	11,952	54.5	5.0	1.9%	1.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,910	17.4	1.3	12.1%	8.7%
Xây dựng	27,648	- 28.4	1.0	-6.7%	1.3%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,060	7.0	1.0	16.5%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	331	3.1	0.7	21.8%	15.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,585	9.6	0.9	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,591	- 15.3	0.6	-1.1%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	43	26.9	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,793	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,319	- 2.4	0.9	3.3%	0.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,516	13.1	1.3	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,210	7.7	1.3	18.1%	10.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,975	10.8	1.3	12.2%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	190	19.1	0.5	4.2%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	179	8.3	0.8	10.0%	4.3%
Chất thải & Môi trường	166	2.5	0.8	35.0%	16.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,127	20.8	1.8	13.7%	8.0%
Lốp xe	6,663	8.1	2.2	29.0%	12.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,370	6.9	1.1	15.6%	8.8%
Vang & Rượu mạnh	256	10.2	1.8	20.4%	12.8%
Đồ uống & giải khát	269	7.7	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,134	11.3	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	193,493	22.4	4.7	22.0%	17.0%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,036	7.8	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	141	8.5	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,860	7.9	1.4	18.0%	7.1%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,950	9.0	1.8	16.8%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	715	- 8.6	1.1	-0.6%	4.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
<b>Y tế</b>						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế	784	14.1	0.8	4.9%	2.9%	
Dụng cụ y tế	144	3.4	1.8	31.8%	13.0%	
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học	167	7.9	1.0	13.2%	9.3%	
Dược phẩm	15,003	11.9	3.1	25.5%	16.8%	
<b>Bán lẻ</b>						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%	
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp	735	14.3	1.2	13.1%	8.6%	
Phân phối hàng chuyên dụng	2,155	8.7	1.4	14.8%	3.2%	
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%	
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,027	8.2	0.9	12.1%	8.0%	
Du lịch và giải trí						
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%	
Khách sạn	5,796	36.3	2.6	6.1%	3.2%	
Dịch vụ giải trí	2,114	26.6	1.3	15.2%	12.8%	
Vận tải hành khách & Du lịch	1,094	20.4	1.8	15.0%	13.3%	
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%	
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính	511	20.3	0.6	3.1%	1.2%	
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%	
Phần mềm	16,192	9.9	2.1	22.1%	9.6%	
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng	390	14.0	0.7	4.1%	1.6%	
Thiết bị văn phòng	262	5.1	1.0	20.0%	14.9%	
Thiết bị viễn thông	2,031	13.8	0.7	5.1%	3.7%	
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện	21,438	-	5.4	1.1	-5.1%	3.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,029	15.1	4.8	32.9%	22.1%	
Nước	1,196	6.5	1.0	16.8%	11.2%	
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp	1,168	5.2	0.8	15.2%	5.0%	
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,232	11.8	0.7	5.8%	2.7%	
Tái bảo hiểm	2,783	7.9	1.1	14.5%	7.0%	
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ	25,654	20.8	2.1	10.0%	2.3%	
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt	3,300	59.6	1.0	1.7%	0.5%	
Môi giới chứng khoán	22,383	12.5	1.2	8.1%	6.1%	
Ngân hàng						
Ngân hàng	237,112	10.7	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản						
Bất động sản	136,554	11.2	2.5	28.5%	7.2%	
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.4	5.5%	2.5%	
<b>Dầu khí</b>						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,689	9.3	1.9	20.5%	8.4%	



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.